

Số: /KH-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 (sau đây viết tắt là *Quyết định số 1266/QĐ-TTg*); sau khi xem xét nội dung tham mưu của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 198/TTr-SKHCN ngày 11/8/2026, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Chuyển đổi số là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy tỉnh Thái Nguyên phát triển nhanh, bền vững; góp phần đổi mới phương thức quản trị, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

2. Chuyển đổi số là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội; được triển khai toàn diện trên các ngành, lĩnh vực, địa bàn và mọi mặt đời sống, bảo đảm bao trùm, không để ai bị bỏ lại phía sau, tạo cơ hội để mọi người dân, doanh nghiệp tiếp cận và thụ hưởng thành quả chuyển đổi số.

3. Người dân và doanh nghiệp là trung tâm, chủ thể và đối tượng thụ hưởng chính; Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, dẫn dắt, hỗ trợ và tạo môi trường thuận lợi cho chuyển đổi số, đồng thời lấy hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp làm thước đo kết quả thực hiện.

4. Tập trung phát triển đồng bộ các trụ cột của chuyển đổi số gồm thể chế số (cơ chế, chính sách), hạ tầng số, dữ liệu số, nền tảng số, nhân lực số và doanh nghiệp công nghệ số; trong đó thể chế đi trước, hạ tầng hiện đại, dữ liệu là tài nguyên quan trọng, nền tảng số là công cụ triển khai, nhân lực và doanh nghiệp công nghệ số là lực lượng nòng cốt.

5. Chuyển đổi số gắn với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực tự chủ công nghệ; phát huy lợi thế của Thái Nguyên về công

ng nghiệp, công nghệ cao, giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học; đồng thời bảo đảm an toàn, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bí mật nhà nước.

6. Chủ động, thực chất và hiệu quả trong hợp tác, liên kết với các bộ, ngành, địa phương, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp trong nước và quốc tế; ưu tiên nghiên cứu, chuyển giao, làm chủ công nghệ số tiên tiến, kết nối hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và mở rộng thị trường cho doanh nghiệp công nghệ số của tỉnh.

II. TẦM NHÌN, MỤC TIÊU

1. Tầm nhìn đến năm 2045

Thái Nguyên trở thành tỉnh phát triển số hiện đại, an toàn; chuyển đổi số được triển khai toàn diện, đồng bộ, sâu rộng và bao trùm, trở thành phương thức phát triển quan trọng, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Người dân và doanh nghiệp là trung tâm, chủ thể và đối tượng thụ hưởng chính của quá trình chuyển đổi số. Tỉnh có nền quản trị hiện đại, dựa trên dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI); từng bước làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ số, nền tảng số và sản phẩm số chiến lược; bảo đảm an toàn, an ninh mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- *Nhóm mục tiêu về phát triển chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động:*

- + 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- + 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
- + 100% Sở, ngành, địa phương sử dụng thống nhất, hiệu quả các nền tảng số dùng chung quốc gia phục vụ chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công.
- + 100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.
- + 100% cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh được chuẩn hóa, kết nối, phân quyền và sẵn sàng khai thác cho AI.
- + Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh được nâng cấp theo hướng tích hợp AI phục vụ phân tích, dự báo, cảnh báo, giám sát và hỗ trợ ra quyết định.
- + 100% cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước có hồ sơ điện tử theo quy định.
- + 70% số chỉ tiêu thống kê thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn từ nguồn dữ liệu hành chính.

+ 100% cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số.

+ 100% cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số, công nghệ thông tin được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật công nghệ số.

+ 100% cán bộ, công chức, viên chức có tài khoản và được đào tạo sử dụng nền tảng trợ lý AI công vụ.

- Nhóm mục tiêu về phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế:

+ Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 35% GRDP.

+ Hỗ trợ tối thiểu 1.300 doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

+ Khai thác, sử dụng hiệu quả các sản phẩm được cơ quan có thẩm quyền đưa vào vận hành.

+ Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt từ 15 - 17%.

+ Phần đầu đạt 45% số doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực thương mại tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước.

+ Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt gấp 30 lần GRDP.

+ Trên 40% doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, sử dụng nền tảng “mô hình như một dịch vụ”, tác nhân AI hoặc giải pháp AI dùng chung.

- Nhóm mục tiêu về phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân:

+ Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% hộ gia đình.

+ Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%.

+ Tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%.

+ Phần đầu tỷ lệ người dân được lập sổ sức khỏe điện tử đạt 100%.

+ Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cơ bản cho tối thiểu 200.000 lượt người trong độ tuổi lao động.

b) Mục tiêu đến năm 2045

+ Phần đầu tỉnh Thái Nguyên thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về Chính quyền điện tử/Chính quyền số.

+ Phần đầu quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GRDP, kinh tế số trở thành một trong những động lực phát triển chủ yếu của nền kinh tế.

(Chi tiết các mục tiêu cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế số (cơ chế, chính sách)

Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách của tỉnh về chuyển đổi số, bảo đảm đồng bộ, khả thi, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo (AI) và các mô hình kinh doanh mới; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền hoàn thiện các cơ chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý của tỉnh về dữ liệu, giao dịch điện tử, định danh và xác thực điện tử, chữ ký số, dịch vụ công trực tuyến, nền tảng số, AI, thương mại điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn thông tin mạng; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong triển khai chuyển đổi số.

b) Hoàn thiện cơ chế cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục hành chính đủ điều kiện; đẩy mạnh số hóa, kết nối và tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính, giảm thành phần hồ sơ và việc cung cấp lại thông tin đã có; từng bước phát triển dịch vụ công trực tuyến chủ động, thuận tiện, cá thể hóa trên cơ sở khai thác dữ liệu và ứng dụng AI.

c) Hoàn thiện cơ chế quản lý, tạo lập, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu của tỉnh; phát triển dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở theo quy định; tăng cường khai thác dữ liệu phục vụ thống kê, quản lý, điều hành, dự báo và hoạch định chính sách; bảo đảm an toàn dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

d) Đổi mới cơ chế đầu tư, đặt hàng, thuê dịch vụ công nghệ số và hợp tác công - tư phù hợp quy định; ưu tiên sử dụng các sản phẩm, nền tảng, dịch vụ công nghệ số do doanh nghiệp Việt Nam cung cấp khi đáp ứng yêu cầu; gắn kết quá trình chuyển đổi số với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và ưu tiên bố trí nguồn lực cho các nhiệm vụ có hiệu quả, tác động lớn.

đ) Chủ động nghiên cứu, đề xuất và triển khai thí điểm có kiểm soát đối với công nghệ, sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh số mới thuộc phạm vi thẩm quyền; kịp thời tổng kết, đánh giá để hoàn thiện cơ chế, chính sách và nhân rộng các mô hình hiệu quả.

2. Phát triển hạ tầng số

Phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, an toàn, có khả năng mở rộng, kết nối liên thông, đáp ứng yêu cầu phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ưu tiên hạ tầng phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ cao, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI) trên địa bàn tỉnh.

a) Phát triển hạ tầng băng rộng cố định, di động tốc độ cao, 5G và các thể hệ mạng tiếp theo; mở rộng cáp quang đến hộ gia đình, cơ quan, doanh nghiệp, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu vực nông thôn, miền núi; phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây, điện toán biên và các nền tảng kết nối số; bảo đảm hạ tầng số an toàn, liên tục, có khả năng chống chịu, thu hẹp khoảng cách số giữa các khu vực trên địa bàn tỉnh.

b) Hoàn thiện hạ tầng số dùng chung của tỉnh theo hướng thống nhất, hiện đại, linh hoạt, an toàn và có khả năng mở rộng; nâng cao năng lực hạ tầng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, định danh và xác thực điện tử, chữ ký số, thanh toán số, bản đồ số, giám sát, đo lường và điều hành số; bảo đảm kết nối, liên thông với các hệ thống, nền tảng và cơ sở dữ liệu quốc gia.

c) Phát triển hạ tầng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây và lưu trữ, xử lý dữ liệu của tỉnh theo hướng hiện đại, an toàn, tiết kiệm năng lượng, có khả năng dự phòng và phục hồi sau sự cố; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây trên địa bàn; bảo đảm hạ tầng đáp ứng yêu cầu lưu trữ, xử lý, phân tích dữ liệu, cung cấp dịch vụ số và điều hành dựa trên dữ liệu.

d) Từng bước phát triển hạ tầng tính toán và dữ liệu phục vụ AI phù hợp với nhu cầu, khả năng và điều kiện của tỉnh; khuyến khích các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp đầu tư, khai thác hạ tầng tính toán, kho dữ liệu và nền tảng AI; ưu tiên các hạ tầng phục vụ nghiên cứu, đào tạo và ứng dụng AI trong quản lý nhà nước, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, y tế, giáo dục và các lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh.

đ) Huy động hiệu quả nguồn lực nhà nước, doanh nghiệp và xã hội; đẩy mạnh hợp tác công - tư trong đầu tư, phát triển, vận hành hạ tầng số; khuyến khích doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số đầu tư hạ tầng 5G, cáp quang, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây và các hạ tầng số thiết yếu; ưu tiên đầu tư tại khu vực khó khăn, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các địa bàn có nhu cầu phát triển công nghiệp, đô thị và dịch vụ số.

3. Phát triển dữ liệu số và nền tảng số dùng chung

Xác định dữ liệu là tài nguyên chiến lược, nền tảng của chính quyền số, động lực phát triển kinh tế số và nguồn lực phát triển xã hội số; quản trị, khai thác dữ liệu theo nguyên tắc đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung, an toàn và hiệu quả.

a) Xây dựng, hoàn thiện, chuẩn hóa, kết nối, liên thông và chia sẻ các cơ sở dữ liệu của tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; ưu tiên dữ liệu về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm, y tế, giáo dục, lao động, an sinh xã hội, cán bộ, công chức, giao thông, tài nguyên và môi trường; bảo đảm kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo quy định.

b) Đẩy mạnh số hóa, làm sạch, chuẩn hóa và tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị, giảm thành phần hồ sơ, thời gian xử lý và không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại thông tin đã có.

c) Phát triển, khai thác hiệu quả các nền tảng số dùng chung của tỉnh, ưu tiên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, định danh và xác thực điện tử, thanh toán số, bản đồ số, điều hành, báo cáo, giám sát và dữ liệu mở; từng bước ứng dụng AI để phân tích, dự báo, hỗ trợ chỉ đạo, điều hành; ưu tiên các lĩnh vực y tế, giáo dục, nông nghiệp, thương mại, logistics, du lịch và đô thị.

d) Thúc đẩy mở dữ liệu của cơ quan nhà nước theo quy định, bảo đảm chất lượng, khả năng khai thác và tái sử dụng; ưu tiên các bộ dữ liệu có giá trị phục vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp, dịch vụ số, thống kê và dự báo; khuyến khích phát triển sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh dựa trên dữ liệu.

đ) Bảo đảm phát triển, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu, nền tảng số gắn với an toàn, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư, bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh và quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp; tăng cường tự chủ, bảo đảm an toàn đối với các hệ thống dữ liệu và nền tảng số của tỉnh.

4. Phát triển nhân lực số

Phát triển nhân lực số là nhiệm vụ then chốt, bảo đảm cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân và doanh nghiệp có đủ kiến thức, kỹ năng số để tham gia an toàn, hiệu quả vào quá trình chuyển đổi số; ưu tiên phát triển nhân lực công nghệ số, quản trị số và nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh.

a) Nâng cao năng lực số cho cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu, cán bộ phụ trách chuyển đổi số, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng, Tổ công nghệ số cộng đồng và lực lượng hỗ trợ chuyển đổi số tại cơ sở.

b) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng năng lực lãnh đạo số, quản trị số, kỹ năng khai thác dữ liệu và ra quyết định dựa trên dữ liệu; duy trì đào tạo, cập nhật kỹ năng số thường xuyên cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước.

c) Đổi mới giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển tư duy số, kỹ năng sử dụng công nghệ, AI, dữ liệu và an toàn thông tin; ưu tiên đào tạo nhân lực chất lượng cao về công nghệ số, AI, dữ liệu, an toàn thông tin, điện toán đám mây và quản trị dữ liệu; phát huy vai trò của các trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn.

d) Đẩy mạnh đào tạo STEM, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo lại và đào tạo thường xuyên cho người lao động; tăng cường liên kết Nhà nước - nhà trường -

doanh nghiệp, gắn đào tạo với nhu cầu nhân lực của các ngành công nghiệp, công nghệ cao và các chương trình, dự án chuyển đổi số của tỉnh.

đ) Phổ cập kỹ năng số cơ bản, kỹ năng an toàn số, giao dịch và thanh toán số, chữ ký số, định danh điện tử và sử dụng dịch vụ công trực tuyến; triển khai hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”, hỗ trợ người dân nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số.

e) Thu hẹp khoảng cách số, bảo đảm mọi người dân có cơ hội tiếp cận, sử dụng và thụ hưởng thành quả chuyển đổi số; ưu tiên hỗ trợ người dân ở khu vực nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các nhóm yếu thế.

g) Có chính sách thu hút, sử dụng và trọng dụng nhân tài, chuyên gia công nghệ số; khuyến khích doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và chuyên gia tham gia đào tạo, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và giải quyết các bài toán chuyển đổi số của tỉnh.

5. Phát triển doanh nghiệp công nghệ số và thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp

Phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh trở thành lực lượng nòng cốt trong nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ số và thực hiện chuyển đổi số; thúc đẩy hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số, nâng cao năng lực cạnh tranh và đóng góp vào phát triển kinh tế số của tỉnh.

a) Hỗ trợ hình thành và phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số của tỉnh, ưu tiên doanh nghiệp phát triển nền tảng số, dữ liệu, AI, an toàn thông tin mạng, điện toán đám mây, phần mềm và các giải pháp chuyển đổi số; khuyến khích doanh nghiệp công nghệ số tham gia giải quyết các bài toán chuyển đổi số của tỉnh.

b) Phát huy vai trò của Nhà nước là khách hàng, thị trường thúc đẩy doanh nghiệp công nghệ số; đẩy mạnh đặt hàng, giao nhiệm vụ, mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ số và thử nghiệm có kiểm soát theo quy định; ưu tiên ứng dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trong nước phù hợp yêu cầu, nhất là trong quản trị, cung cấp dịch vụ công, dữ liệu, an toàn thông tin và các lĩnh vực thiết yếu.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn chất lượng, an toàn, bảo mật và thương mại hóa sản phẩm; tăng cường liên kết Nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - trường đại học, phát huy thế mạnh của tỉnh về công nghiệp, khoa học, công nghệ và đào tạo để hình thành các sản phẩm, giải pháp công nghệ số có giá trị gia tăng cao.

d) Đẩy mạnh chuyển đổi số doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh; hỗ trợ ứng dụng nền tảng số, dữ liệu, AI, thương mại điện tử, thanh toán số, hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử, chữ ký số và các giải pháp quản trị số; thúc đẩy đổi mới mô hình quản trị, sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất, giảm chi phí và mở rộng thị trường.

đ) Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các công nghệ số tiên tiến, công nghệ chiến lược phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh như AI, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, an toàn thông tin mạng, bán dẫn, IoT, robot, tự động hóa và các công nghệ số mới; khuyến khích doanh nghiệp lớn dẫn dắt, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

6. Tăng cường hợp tác quốc tế

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về chuyển đổi số theo hướng chủ động, thực chất, có chọn lọc, phù hợp định hướng phát triển của tỉnh; tăng cường tiếp nhận tri thức, công nghệ, đào tạo nhân lực, thu hút đầu tư và mở rộng thị trường, đồng thời bảo đảm an toàn, an ninh mạng, an ninh dữ liệu và lợi ích của tỉnh.

a) Mở rộng hợp tác với các địa phương, tổ chức quốc tế, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và tập đoàn công nghệ có năng lực; tăng cường trao đổi kinh nghiệm, tiếp nhận tri thức, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực và phát triển các mô hình chuyển đổi số phù hợp với điều kiện của tỉnh.

b) Ưu tiên hợp tác trong các lĩnh vực công nghệ số chiến lược, công nghệ mới và các lĩnh vực tỉnh có lợi thế, nhu cầu phát triển như AI, dữ liệu, điện toán đám mây, an toàn thông tin, tự động hóa, bán dẫn và công nghiệp công nghệ cao; gắn hợp tác quốc tế với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực làm chủ công nghệ.

c) Tăng cường hợp tác, thu hút nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng số, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ số; khuyến khích hình thành các dự án, chương trình hợp tác giữa doanh nghiệp trong tỉnh với doanh nghiệp, viện nghiên cứu và trường đại học nước ngoài.

d) Gắn hợp tác quốc tế về chuyển đổi số với xúc tiến đầu tư, thương mại, phát triển nguồn nhân lực và mở rộng thị trường cho doanh nghiệp công nghệ số; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, dịch vụ số và từng bước tham gia chuỗi giá trị, thị trường khu vực và quốc tế.

đ) Tăng cường phối hợp phòng ngừa, ứng phó các nguy cơ, thách thức xuyên biên giới trên môi trường số; bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước và quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp trong quá trình hợp tác và hội nhập số.

(Chi tiết nhiệm vụ tại Phụ lục II kèm theo).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; trong đó ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi

số giữ vai trò chủ đạo. Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện Kế hoạch.

2. Ưu tiên nguồn lực cho các nhiệm vụ có tính nền tảng, liên thông, dùng chung và có khả năng tạo tác động lan tỏa.

3. Việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm đúng quy định pháp luật, tiết kiệm, hiệu quả, tránh đầu tư trùng lặp.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường

- Chủ động xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo đồng bộ với chỉ tiêu, nhiệm vụ của ngành dọc và chỉ tiêu chung của tỉnh; chủ động sử dụng các nguồn kinh phí theo phân cấp ngân sách để triển khai thực hiện.

- Căn cứ danh mục nhiệm vụ chuyển đổi số ban hành kèm theo Kế hoạch này và quy định của pháp luật hiện hành, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xác định những nội dung cần xây dựng đề án, dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số và dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với các nhiệm vụ, dự án cụ thể đã đăng ký yêu cầu cơ quan, đơn vị làm rõ cơ sở pháp lý, phạm vi, quy mô, sự cần thiết trên nguyên tắc 6 rõ (*rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền*) trước khi triển khai nhiệm vụ.

- Định kỳ hằng năm (trước ngày 15/12) hoặc đột xuất (khi được yêu cầu) báo cáo tiến độ, kết quả triển khai Kế hoạch gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai Kế hoạch đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, báo cáo UBND tỉnh rà soát, đánh giá, tổ chức triển khai nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch bảo đảm phù hợp, hiệu quả, đúng quy định hiện hành; nội dung tham mưu phải đánh giá chính xác được hiện trạng, sự cần thiết, hiệu quả đầu tư, giải pháp kỹ thuật, công nghệ đáp ứng được nhu cầu, phù hợp với quy mô, tính chất của nhiệm vụ.

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch tại các cơ quan, đơn vị, địa phương để báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Tổng hợp khó khăn, vướng mắc, đề xuất UBND tỉnh xem xét, giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất kinh phí triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch của Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị và địa phương và căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh, Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách hiện hành và đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật.

4. Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chủ động tham mưu, xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu. Phối hợp với các cơ quan nhà nước triển khai hạ tầng 5G, cáp quang, điện toán đám mây, trung tâm dữ liệu, chữ ký số và các nền tảng số. Tham gia hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chuyển đổi số. Chủ động đề xuất, thử nghiệm và chuyển giao các giải pháp công nghệ mới phù hợp với nhu cầu của tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Khoa học và Công nghệ*) để xem xét, chỉ đạo giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Báo và PTTH Thái Nguyên;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

Thaidh/KH29

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Loan

Phụ lục I
MỤC TIÊU THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030,
ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Chỉ tiêu cụ thể	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp thực hiện
A	MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030		
I	Nhóm mục tiêu về phát triển chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động		
1.	100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
2.	99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
3.	100% Sở, ngành, địa phương sử dụng thống nhất, hiệu quả các nền tảng số dùng chung quốc gia phục vụ chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
4.	100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
5.	100% cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh được chuẩn hóa, kết nối, phân quyền và sẵn sàng khai thác cho AI	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
6.	Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh được nâng cấp theo hướng tích hợp AI phục vụ phân tích, dự báo, cảnh báo, giám sát và hỗ trợ ra quyết định	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
7.	100% cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước có hồ sơ điện tử theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
8.	70% số chỉ tiêu thống kê thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn từ nguồn dữ liệu hành chính	Sở Tài chính	Thống kê tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
9.	100% cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
10.	100% cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số, công nghệ thông tin	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các

STT	Chỉ tiêu cụ thể	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp thực hiện
	được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật công nghệ số		xã, phường
11.	100% cán bộ, công chức, viên chức có tài khoản và được đào tạo sử dụng nền tảng trợ lý AI công vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
II	Nhóm mục tiêu về phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế		
12.	Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 35% GRDP	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
13.	Hỗ trợ tối thiểu 1.300 doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
14.	Khai thác, sử dụng hiệu quả 05 sản dữ liệu được cơ quan có thẩm quyền đưa vào vận hành	Công an tỉnh	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
15.	Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt từ 15 - 17%	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
16.	Phân đầu đạt 45% số doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực thương mại tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
17.	Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt gấp 30 lần GRDP	Ngân hàng Nhà nước Khu vực V	Sở Khoa học và Công nghệ; Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
18.	Trên 40% doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, sử dụng nền tảng “mô hình như một dịch vụ”, tác nhân AI hoặc giải pháp AI dùng chung	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
III	Nhóm mục tiêu về phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân		
19.	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% hộ gia đình	Sở Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp viễn thông
20.	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%	Ngân hàng Nhà nước Khu vực V	Các Chi nhánh ngân hàng; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mobile money

STT	Chỉ tiêu cụ thể	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp thực hiện
21.	Tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh
22.	Phân đầu tỷ lệ người dân được lập sổ sức khỏe điện tử đạt 100%	Sở Y tế	Công an tỉnh; Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
23.	Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cơ bản cho tối thiểu 200.000 lượt người trong độ tuổi lao động	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ; doanh nghiệp công nghệ số
B	MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2045		
24.	Phân đầu tỉnh Thái Nguyên thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về Chính quyền điện tử/Chính quyền số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
25.	Phân đầu quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GRDP, kinh tế số trở thành một trong những động lực phát triển chủ yếu của nền kinh tế.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường

Phụ lục II

**DANH MỤC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030,
ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả
I	HOÀN THIỆN THỂ CHẾ (CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH				
1.	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới sáng tạo.	Các Sở, ban, ngành	Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	Báo cáo kết quả rà soát
2.	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, Internet và không gian mạng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành có liên quan	Thường xuyên	Báo cáo kết quả rà soát
3.	Rà soát, đánh giá các chương trình, đề án, kế hoạch về phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; nâng cao nhận thức, bồi dưỡng, đào tạo kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các nội dung khác đã được	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành	2026	Báo cáo kết quả rà soát

	cấp có thẩm quyền ban hành, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Luật Chuyển đổi số và Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số; nếu cần thiết, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc tích hợp các nội dung không còn phù hợp.				
4.	Xây dựng, duy trì, cập nhật Khung kiến trúc dữ liệu tỉnh Thái Nguyên, Khung quản trị dữ liệu và từ điển dữ liệu dùng chung của tỉnh, bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; các Sở, ban, ngành	2026-2030	Quyết định của UBND tỉnh
5.	Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành	2026-2030	Các quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng được chuẩn hóa, điện tử hóa
II	PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ				
6.	Phát triển hạ tầng chính phủ số phục vụ cơ quan nhà nước trên cơ sở kết hợp thế mạnh của Mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, trung tâm dữ liệu của cơ quan nhà nước để phục vụ kết nối liên thông, xuyên suốt 3 cấp hành chính, sử dụng cơ chế mã hóa và công nghệ bảo đảm an toàn, an ninh mạng do Việt Nam làm chủ một cách an toàn, bảo mật. Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của các Sở, ngành, địa phương, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030	Hạ tầng số của tỉnh hoạt động ổn định, thông suốt các cấp

	phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.				
7.	Ưu tiên hạ tầng triển khai bản sao số, hệ thống phân tích, mô phỏng, dự báo và hỗ trợ ra quyết định trong các lĩnh vực có nhu cầu điều hành thời gian thực, quản trị hạ tầng, sản xuất, năng lượng, tài nguyên, môi trường, nông nghiệp, đô thị và dịch vụ công thiết yếu	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030	Hình thành và đưa vào vận hành hiệu quả các nền tảng dữ liệu, bản sao số, hệ thống phân tích, mô phỏng, dự báo và hỗ trợ ra quyết định phục vụ điều hành thời gian thực, quản trị hạ tầng và phát triển các lĩnh vực thiết yếu
8.	Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, hạ tầng giao thông, đô thị, xây dựng phải có nội dung nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối mạng IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số. Các nội dung phát triển hạ tầng IoT phải bảo đảm hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp.	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030	Hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT) được triển khai rộng khắp
9.	Ban hành quy định về công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý bắt buộc tích hợp thiết bị cảm biến và các ứng dụng công nghệ số khác, kèm theo lộ trình áp dụng phù hợp.	Các Sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030	Quyết định QPPL của UBND tỉnh

III	PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU SỐ, NỀN TẢNG SỐ DÙNG CHUNG				
10.	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung để tập hợp dữ liệu đa dạng (cấu trúc và phi cấu trúc). Phát triển hệ thống xử lý dữ liệu thông minh riêng để xử lý, phân tích và khai phá dữ liệu nhằm tạo ra các thông tin giá trị phục vụ chỉ đạo điều hành.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành liên quan	2026-2030	Kho dữ liệu dùng chung và hệ thống xử lý dữ liệu thông minh
11.	Tập trung hoàn thành việc số hóa và làm sạch các cơ sở dữ liệu cốt lõi, chuyên ngành như đất đai, nhà ở... gắn định danh chủ sở hữu với số định danh cá nhân để phục vụ công tác quản lý nhà nước.	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng và các sở, ngành liên quan (theo chức năng, nhiệm vụ)	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030	Dữ liệu cốt lõi, chuyên ngành như đất đai, nhà ở ... được làm sạch
12.	Thực hiện tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ đối với 100% thủ tục hành chính thiết yếu theo hướng cắt giảm tối đa giấy tờ, bắt buộc áp dụng nguyên tắc người dân không phải khai báo lại các thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.	Các Sở, ban, ngành	Công an tỉnh, Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh)	2026	Các quy trình nghiệp vụ được tái cấu trúc
13.	Thúc đẩy phát triển và ứng dụng các nền tảng truy xuất nguồn gốc, minh bạch chuỗi cung ứng, xác thực và chia sẻ dữ liệu phục vụ sản xuất, thương mại, logistics, nông nghiệp, xuất khẩu và các lĩnh vực có yêu cầu cao về minh bạch, tiêu chuẩn và kết nối thị trường.	Sở Công Thương	Công an tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ; các	2026-2030	Hình thành và mở rộng ứng dụng hiệu quả các nền tảng truy xuất nguồn gốc, minh bạch chuỗi cung ứng, xác thực và chia sẻ dữ liệu, góp phần nâng cao năng lực sản xuất, thương mại, logistics, xuất

			cơ quan, đơn vị liên quan		khẩu và kết nối thị trường.
14.	Phát triển, thử nghiệm, ứng dụng và nhân rộng các nền tảng AI dùng chung và AI chuyên ngành phục vụ chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công, quản lý nhà nước và phát triển ngành, lĩnh vực.	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030	Hình thành, làm chủ, triển khai hiệu quả và nhân rộng các nền tảng AI dùng chung, AI chuyên ngành phục vụ chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công, quản lý nhà nước và phát triển ngành, lĩnh vực
15.	Ứng dụng AI để hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục, tự động điền biểu mẫu và tự động thẩm định các hồ sơ đơn giản nhằm chuyển từ dịch vụ công trực tuyến sang dịch vụ công trực tuyến tự động.	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030	Giảm thời gian xử lý thủ tục hành chính nhờ ứng dụng AI, giúp giảm tải cho bộ máy hành chính và giảm thiểu rủi ro những nhầm lẫn.
16.	Phát triển, thử nghiệm, ứng dụng và nhân rộng AI trong quản trị địa phương, sản xuất công nghiệp, giáo dục, y tế, nông nghiệp thông minh, doanh nghiệp, sản xuất kinh doanh	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030	Các mô hình ứng dụng AI trong quản trị địa phương, sản xuất công nghiệp, giáo dục, y tế, nông nghiệp thông minh, doanh nghiệp và sản xuất kinh doanh được phát triển, thử nghiệm, đánh giá và nhân rộng; ban hành hướng dẫn về đạo đức AI, quản trị rủi ro AI, trách nhiệm pháp lý.
17.	Nghiên cứu, tham mưu hướng dẫn quản lý, sử dụng AI an toàn, có trách nhiệm, đạo đức và quản trị rủi ro AI theo quy định của pháp luật.	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030	Bảo đảm an ninh mạng cho hệ thống AI.
18.	Cung cấp dữ liệu mở, hiện trạng và lộ trình xây dựng dữ liệu trong các cơ quan nhà nước, mức độ chia sẻ, sử dụng dữ liệu và các thông tin cần thiết để kết nối; đánh giá, xếp hạng công khai mức độ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	2026-2030	Các bộ dữ liệu mở

	phát triển dữ liệu của các Sở, ngành, địa phương.				
19.	Tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ đo đạc lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai; lập hồ sơ địa chính và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai của tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công an tỉnh; các Sở, ban, ngành liên quan	2026-2030	Cơ sở dữ liệu đất đai của tỉnh
IV	PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC SỐ				
20.	Xây dựng chương trình tiếp tục nâng cao nhận thức, đào tạo, tập huấn kỹ năng về chuyển đổi số, kỹ năng sử dụng AI, kỹ năng an toàn trên không gian mạng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước và người dân	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành liên quan	2026-2030	- Công an tỉnh: Các chương trình đào tạo, tập huấn về kỹ năng an toàn trên không gian mạng . - Sở Khoa học và Công nghệ: Các chương trình đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng sử dụng AI
21.	Triển khai các mô hình dạy và học STEM/STEAM, kỹ năng số ngay từ cấp phổ thông	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành, địa phương	2026-2030	Các mô hình giáo dục.
22.	Khuyến khích mô hình học tập suốt đời, đào tạo lại cho người lao động trong các ngành chịu tác động mạnh của tự động hóa, AI và chuyển đổi xanh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành, địa phương	2026-2030	Mô hình được triển khai hiệu quả
23.	Triển khai hiệu quả mô hình “Học từ làm việc thực tế” liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành, địa phương; đơn vị, doanh nghiệp liên quan	2026-2030	Mô hình được triển khai hiệu quả
24.	Triển khai chương trình “Bình dân học vụ số” trên phạm vi toàn tỉnh để phổ cập kỹ năng cho người dân, ưu tiên nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, người dân sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	2026-2030	Người dân được trang bị kỹ năng số cơ bản

25.	Phổ cập công dân số, hình thành, phát triển ứng dụng công dân số của địa phương, tích hợp đa tiện ích, kết nối với VNeID	Công an tỉnh	Các Sở, ban, ngành, địa phương	2026-2030	Ứng dụng công dân số
26.	Tổ chức phổ biến, truyền thông, triển khai hiệu quả Bộ Quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số trên địa bàn tỉnh.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban, ngành, địa phương	2026-2030	Bộ Quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số được phổ biến, truyền thông trực quan
27.	Đẩy mạnh các hoạt động của Mạng lưới chuyển đổi số tại cơ sở, đặc biệt là các tổ công nghệ số cộng đồng; có chính sách hỗ trợ hoạt động của tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, phường, kết hợp xã hội hóa nhằm phát huy hiệu quả hoạt động.	UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030	Hình thành Mạng lưới chuyển đổi số tại cơ sở, nòng cốt là tổ công nghệ số cộng đồng. Có chính sách hỗ trợ hoạt động của Tổ CNSCĐ
V	PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ				
28.	Khuyến khích các tập đoàn công nghệ lớn của Việt Nam đầu tư phát triển các nền tảng điện toán đám mây (Cloud), AI, xử lý dữ liệu (Data Engine) vào tỉnh Thái Nguyên.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	2026-2030	Thu hút, khuyến khích doanh nghiệp công nghệ số đầu tư, cung cấp và phát triển các nền tảng điện toán đám mây, AI, xử lý dữ liệu tại Thái Nguyên, đáp ứng yêu cầu lưu trữ, xử lý và khai thác dữ liệu theo quy định
29.	Mở rộng, phát triển kinh tế số từ việc số hóa, chuyển đổi các hoạt động kinh tế hiện hữu lên môi trường số đến kiến tạo các mô hình kinh doanh mới, ngành nghề mới và không gian tăng trưởng mới dựa trên công nghệ số, ưu tiên phát triển các mô hình kinh tế số dựa trên công nghệ số chiến lược	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	2026-2030	Các mô hình kinh doanh mới được nghiên cứu, thử nghiệm và đánh giá; một số mô hình có hiệu quả được nhân rộng
30.	Thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh xây dựng hiện	Sở Khoa học và Công	Các Sở, ban, ngành, địa	2026-2030	Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã được hỗ

	diện số trực tuyến trên Internet thông qua tên miền quốc gia “.vn” gắn với các dịch vụ số (website, email), nền tảng số nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường và tăng mức độ tin cậy trong giao dịch số.	nghệ	phương		trợ xây dựng hiện diện số trực tuyến trên Internet thông qua tên miền quốc gia “.vn” gắn với website, email và các dịch vụ số, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường và tăng độ tin cậy trong giao dịch số.
VI	TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC QUỐC TẾ				
31.	Nghiên cứu, chủ động hợp tác quốc tế trong việc tham gia quản lý các tài nguyên chung trong môi trường số và trên không gian mạng; nghiên cứu, tham gia các chương trình, diễn đàn, mạng lưới hợp tác quốc tế phù hợp với chức năng, thẩm quyền và điều kiện của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	2026-2030	Các hoạt động hợp tác quốc tế, biên bản ghi nhớ
32.	Nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền các cơ chế, chính sách ưu đãi đặc thù về môi trường làm việc để thu hút các chuyên gia công nghệ, nhà khoa học dữ liệu hàng đầu thế giới về tỉnh Thái Nguyên làm việc	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, địa phương	2026-2030	Các chính sách được ban hành